



ADVIA® 560
Hematology System



www.siemens.com/diagnostics

Hệ thống máy huyết học ADVIA® 560 và 560 AL

Tính năng kỹ thuật

Đặc tính sản phẩm

Công nghệ/thông số	Phân tích 5 thành phần bạch cầu bằng công nghệ tán xạ ánh sáng laser; phân tích CBC bằng công nghệ điện trở kháng: WBC (80 µm), RBC, và PLT (70 µm); công nghệ đo độ hấp thu quang để đo lượng HGB/26 thông số, bao gồm 5 thành phần bạch cầu với hai đồ thị và biểu đồ tán xạ cho RBC và PLT: BASO, WBC, LYM, MON, NEU, EOS, BAS, LYM%, MON%, NEU%, EOS%, BAS%, RBC, HCT, MCV, RDW-SD*, RDW-CV, HGB, MCH, MCHC, PLT, PCT*, MPV, PDW-SD*, PDW-CV*, P-LCC*, P-LCR*
Độ ổn định mẫu	Độ ổn định của mẫu được đặc trưng bởi sự khác biệt giữa giá trị tuyệt đối và giá trị phần trăm từ giá trị ban đầu và giá trị sau 30 phút từ khi lấy máu tĩnh mạch: WBC, NEU%, NEU, LYM%, LYM, MON%, MON, EOS%, EOS, BAS%, BAS, RBC, RDW, và PLT. Với MPV là sau 2 giờ từ khi lấy máu tĩnh mạch. Độ ổn định tối đa là 7 giờ.
Kiểu lấy mẫu/thể tích	Ống mẫu đóng thủ công/110 µL - Ống mẫu mở thủ công/110 µL - Ống mẫu nạp tự động (tùy chọn)/110 µL
Công suất	60 mẫu/giờ

Quản lý dữ liệu

Cơ sở dữ liệu	Lưu trữ được 100.000 kết quả bệnh nhân
Quản lý chất lượng	24 lô QC, lưu trữ dữ liệu QC riêng biệt, biểu đồ Levy-Jennings, tùy chọn sử dụng mã vạch nhập giá trị đích QC và đọc mã QR để nhập dữ liệu tham chiếu
Chế độ đa tài khoản sử dụng	Nhiều tài khoản để sử dụng máy với nhận dạng theo từng cá nhân (tên người dùng, mật khẩu)

Trạm làm việc

Máy in	Tùy chọn máy in kết nối ngoài, tương thích với các máy in hoạt động trên nền tảng hệ điều hành Microsoft Window
Bàn phím kết nối ngoài (tùy chọn)	Kết nối PS/2 hoặc USB
Máy đọc mã vạch cầm tay	Tiêu chuẩn
Giao diện người dùng	Màn hình cảm ứng tinh thể lỏng 10,4-inch, độ phân giải màu 600 x 800
Khả năng kết nối	RS232, USB, Ethernet, giao diện người dùng đa ngôn ngữ

Yêu cầu điều kiện hoạt động môi trường

Điện năng	Dòng riêng, có thể tùy chọn điện năng cho pha đơn, 100 VAC (6 amps)–240 VAC (3 amps)
Tần số	47–63 Hz
Nhiệt độ hoạt động	15–30°C
Độ ẩm tương đối	10–80% (không đọng sương)
Chất thải	Bình chứa thải 10L hoặc 20L hoặc thải trực tiếp. Được xử lý như chất thải nguy cơ sinh học.

Trọng lượng và Kích thước

Trọng lượng	35 kg
Kích thước	52 (cao) x 41 (rộng) x 49 (sâu) cm

Đặc tính khác

Ba loại thuốc thử không chứa cyanua	Diluent, Lyse, và Cleaner
Ngôn ngữ	Croatia, Anh, Pháp, Hy Lạp, Đức, Hungary, Ý, Ba Lan, Bồ Đào Nha (Brazil), Nga, Tây Ban Nha (Argentina), Thổ Nhĩ Kỳ

Bộ phận nạp mẫu tự động (tùy chọn)

Khay mẫu	100 ống: 10 giá mẫu với 10 ống mẫu trên mỗi giá
Loại ống mẫu	Monovette, Vacutainer, Vacuette
Bộ phận đọc mã vạch	Tích hợp sẵn trên máy
Trộn mẫu	Tích hợp sẵn trên máy
Cảm biến nắp ống	Chỉ thực hiện trộn mẫu và phân tích với ống mẫu đầy nắp kín xuyên kim

*Thông số không được áp dụng tại Mỹ

Answers for life.

Hệ thống máy huyết học ADVIA® 560 và 560 AL

Độ chính xác					
Thông số	Tiêu chuẩn thông thường		Mức độ đánh giá		Đơn vị
	Tuyệt đối	Phần trăm (%)	Giới hạn dưới	Giới hạn trên	
WBC	0,30	6,0	0	100	10 ³ /μL
NEU%	3	10,0	0	100	%
LYM%	3	10,0	0	100	%
MON%	3	10,0	0	40	%
EOS%	1,5	10,0	0	30	%
BAS%	0,5	40,0	0	5	%
RBC	0,15	6,0	0	8	10 ⁶ /μL
HGB	0,3	6,0	1	25	g/dL
MCV	1	6,0	50	120	fL
RDWcv	0,5	6,0	8	20	%
PLT	15	8,0	0	2000	10 ³ /μL
MPV	0,8	10,0	5	20	fL

Độ lặp lại*					
Thông số	Độ lặp lại chế độ thông thường		Độ tái lặp chế độ thông thường		Đơn vị
	SD	%CV	SD	%CV	
NEU%	<3,50		<3,50		%
LYM%	<3,10		<3,10		%
MON%	<2,00		<2,00		%
EOS%	<2,00		<2,00		%
BAS%	<0,50		<0,50		%
RBC	<0,11	<1,7	<0,13	<2,0	10 ⁶ /μL
HGB	<0,20	<2,0	<0,22	<2,4	g/dL
MCV	<1,0	<1,7	<1,20	<2,0	fL
RDWcv	<0,4	<2,5	<0,45	<3,0	%
PLT	<23	<6,0	<27	<7,0	10 ³ /μL
MPV	<0,45	<8,7	<0,50	<10,0	fL

*Độ lặp lại của hệ thống được định nghĩa như là độ lệch chuẩn (SD) hoặc hệ số biến thiên (CV), tùy theo giá trị nào cao hơn. Đặc tính kỹ thuật được cung cấp chỉ cho các thông số gốc và thông số suy ra.

Độ tuyến tính ở chế độ thông thường						
Thông số	Hệ số xác định (R2)	Sai số phi tuyến tuyệt đối	Sai số phi tuyến tương đối	Ngưỡng dưới tuyến tính	Ngưỡng trên tuyến tính	Đơn vị
WBC	>0,95	<0,80	<3,0%	0,20	100,0	10 ³ /μL
RBC	>0,95	<0,20	<3,0%	0,36	7,19	10 ⁶ /μL
HGB	>0,95	<0,27	<3,0%	1,10	22,2	g/dL
PLT	>0,95	<35,0	<3,0%	15,0	1000	10 ³ /μL

Nhiễm chéo		
Thông số	Mức độ nhiễm chéo cho phép (%)	Đơn vị
WBC	<1,0	10 ³ /μL
RBC	<0,5	10 ⁶ /μL
HGB	<0,8	g/dL
PLT	<1,0	10 ³ /μL

Tìm hiểu thêm về hệ thống huyết học ADVIA 560 hoặc toàn bộ các hệ thống huyết học khác của Siemens

Vui lòng truy cập www.siemens.com/hematology, hoặc liên hệ đại diện Siemens.

ADVIA và các dấu hiệu nhận biết có liên quan là thương hiệu của Siemens Healthcare Diagnostics Inc. và các công ty liên kết. Các nhãn hiệu và thương hiệu khác thuộc quyền sở hữu các công ty sở hữu.

Công ty TNHH Siemens

TP. Hồ Chí Minh
Tòa nhà Landmark, Tầng 4 & 5
5B Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel.: +84 8 3825 1900
Fax: +84 8 3825 1580

www.siemens.com/diagnostics

Đường dây hỗ trợ khách hàng 24/7

Tel.: 1800 - 585 850

Xin liên lạc với chúng tôi để có thông tin về nhà phân phối được ủy quyền

* Các hệ thống xét nghiệm được cung cấp bởi các nhà phân phối được ủy quyền của Siemens tại Việt Nam

Hà Nội

Tòa nhà Ocean Park, Tầng 9
1 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel.: +84 4 3577 6688
Fax: +84 4 3577 6699